

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES & ROADS
INVESTMENT JSC**

Số: 01/BC-CIIBR
No: 01/BC-CIIBR

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2021.
Ho Chi Minh City, day 25 month 03 year 2021

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT Thường niên năm 2020/Year 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
To: *State Securities Commission of VietNam.*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
Ho Chi Minh City Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

1.1. Thông tin niêm yết:

- Tên giao dịch/*Trading name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES & ROADS INVESTMENT JSC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 0300482241.
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 1.928.547.650.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 1.928.547.650.000 đồng.
- Địa chỉ/*Address*: 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TPHCM.
- Số điện thoại/*Telephone*: 028.38688239 – 38688379.
- Số fax/*Fax*: 028.38688189
- Website: *ciibr.com.vn*
- Mã cổ phiếu/*Securities code*: LGC

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Tiền thân là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978.
- Đến tháng 12/1999, thực hiện chủ trương cổ phần hóa, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Là một trong những công ty có uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất cung cấp thiết bị và thi công xây lắp một số hạng mục hạ tầng giao thông đô thị.



- Ngày 27/11/2006 Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia được Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết lần đầu theo quyết định số 87/UBCK-GPNY và chính thức niêm yết 1.000.000 cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 27/12/2006. (Mã cổ phiếu: LGC).
- Tháng 08/2014 Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (LUGIACO) được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R), mở rộng lĩnh vực hoạt động chuyên đầu tư các dự án về cầu đường. Công ty đã nhận chuyển nhượng các dự án đầu tư về cầu đường từ Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) như: Dự án cầu Sài Gòn 2, Xa lộ Hà Nội, tuyến tránh Ninh Thuận, mở rộng QL1 các đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, cầu Rạch Miễu, dự án mở rộng Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, dự án DT 741 (tỉnh Bình Dương), dự án cầu Cổ Chiên. Và hiện nay đang triển khai thực hiện dự án: Cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận.
- Tổng số cổ phiếu LGC đang niêm yết trên HOSE hiện nay là 192.854.765 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (B.T); lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị điện khác, sửa chữa thiết bị điện; kinh doanh bất động sản.
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của công ty tập trung ở khu vực Miền Trung, Miền Nam và TP.HCM.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

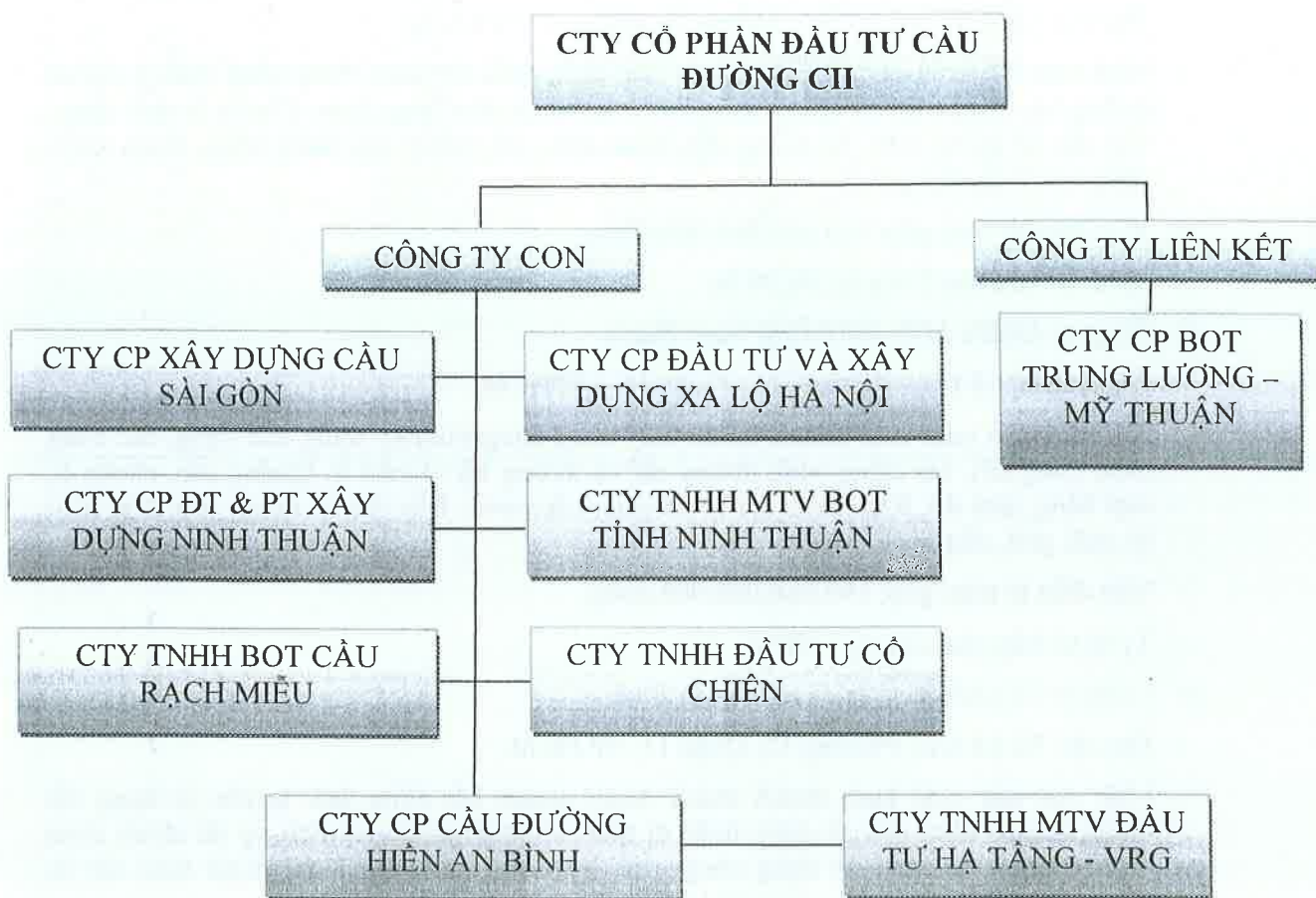
3.1. Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Mô hình quản trị của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure:*



3.3. Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).



❖ **Công ty con:**

a) *Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn*

- Địa chỉ: 50 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Vốn điều lệ thực góp: 24.988.350.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 89,98%.

b) *Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội*

- Địa chỉ: 3A-5B Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống xây dựng. Kinh doanh bất động sản.

- Vốn điều lệ thực góp: 943.500.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%.
- c) *Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận*
- Địa chỉ: Tầng 4, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM.
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng.
 - Vốn điều lệ thực góp: 219.980.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 99,99 %.
- d) *Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận*
- Địa chỉ: 70 Lữ Gia - Phường 15 - Quận 11 – TPHCM
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, các công trình công ích, các công trình đường sắt và đường bộ và nhà ở. Quảng cáo, chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống dẫn điện. Đại lý, môi giới, đấu giá.
 - Vốn điều lệ thực góp: 599.060.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 100%.
- e) *Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình*
- Địa chỉ: 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM.
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Khai thác, xử lý, cung cấp nước. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
 - Vốn điều lệ thực góp: 286.980.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 99,99%.
 - Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình là chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng – VRG (Chủ đầu tư dự án DT741, tỉnh Bình Dương).
- f) *Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu*
- Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng – kinh doanh – chuyển giao công trình cầu Rạch Miễu (B.O.T). Du lịch sinh thái. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Quảng cáo, cung cấp xăng dầu, vận chuyển hành khách, bến xe, bãi đậu xe. Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, dân cư. Dịch vụ điện thoại. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ.
 - Vốn điều lệ thực góp: 264.702.232.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 50,36%.
- g) *Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên*
- Địa chỉ: Tầng 5, 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT). Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 96.900.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%.

❖ **Công ty liên doanh, liên kết:** Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận

- Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng, nhà các loại. Khai thác đá, cát, sỏi. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 771.417.700.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 50%.

4. *Định hướng phát triển/Development orientations*

- Chuyên môn hóa đầu tư lĩnh vực hạ tầng cầu đường.
- Cùng Công ty mẹ (CII) tham gia phát triển các dự án mới.
- Từng bước nâng cao năng lực đầu tư để tham gia đầu tư vào những dự án BOT, BT về giao thông.
- Hình thành một kênh đầu tư và huy động vốn để thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng giao thông.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và khai thác hạ tầng đường bộ tại Việt Nam.
- Trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam trong việc huy động các nguồn vốn trong nước và quốc tế để phát triển hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam.
- Tận dụng chuyên môn và công nghệ của các đối tác chiến lược để phát triển hạ tầng đường bộ Việt Nam theo hướng hiện đại và bền vững.
- Phát triển bền vững và mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông và các đối tác.

5. *Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

5.1. *Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

5.2. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

5.3. *Rủi ro về pháp luật*

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ Tài Chính, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan ban ngành có liên quan. Điều này có thể dẫn đến rủi ro về pháp lý cho Công ty khi hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa thật sự nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn có những sửa đổi bổ sung.

Ngoài ra hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro từ chính sách khi mức thu phí giao thông, lộ trình tăng phí không phải do công ty chủ động mà phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, điều này được khắc phục bởi các điều khoản của Hợp đồng BOT cho phép điều chỉnh thời gian thu phí hoàn vốn nếu doanh thu hàng năm ảnh hưởng đến khả năng hoàn vốn đầu tư của dự án.

5.4. *Rủi ro đặc thù ngành Hạ tầng giao thông*

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là đầu tư vào các dự án về cầu, đường giao thông theo hình thức đầu tư BOT (xây dựng – kinh doanh – chuyển giao) và BT (xây dựng – chuyển giao) thường đòi hỏi quy mô vốn đầu tư lớn, trong bối cảnh thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn thì Công ty cũng phải chịu một số ảnh hưởng nhất định khi sử dụng các công cụ tài chính.

5.5. *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII có thể chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh... đây là những rủi ro bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. *Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year*

1. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2020 như sau:

a. **Tổng doanh thu: 1.104.788** triệu đồng, tỉ lệ 113,2% so với thực hiện năm 2019, đạt 86,6% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, trong đó:

– Doanh thu thu phí giao thông:	703.095	triệu đồng.
– Doanh thu hoạt động tài chính :	398.941	triệu đồng.
– Doanh thu khác (DT công trình, dịch vụ, liên kết...):	2.752	triệu đồng.

b. **Tổng chi phí: 589.366** triệu đồng, tỉ lệ 98,9% so với thực hiện năm 2019, đạt 64,4% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, trong đó:

– Giá vốn bán hàng:	241.125	triệu đồng.
– Chi phí tài chính:	183.486	triệu đồng.
+ Chi phí lãi vay	183.073	triệu đồng.
– Chi phí bán hàng:	36.220	triệu đồng.
– Chi phí quản lý doanh nghiệp:	122.763	triệu đồng.
– Chi phí khác:	5.772	triệu đồng.

c. **Lợi nhuận trước thuế: 515.422** triệu đồng, tỉ lệ 98,9% so với thực hiện năm 2019, tỉ lệ 64,4% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: 65.962 triệu đồng.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: (56.296) triệu đồng.

d. **Lợi nhuận sau thuế: 505.756** triệu đồng, tỉ lệ 92,7% so với thực hiện năm 2019, tỉ lệ 162,4% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 333.802 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số: 171.954 triệu đồng.

* **Lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch:** Do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại **56.296** triệu đồng từ dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội. Nếu loại trừ khoản lợi nhuận này của năm 2019 và 2020 thì lợi nhuận sau thuế năm 2020 là **449.460** triệu đồng, đạt 135,1% so với thực hiện năm 2019, và đạt 144,3% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management:

Danh sách Ban điều hành	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1. Ông Nguyễn Văn Chính (Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	Tổng Giám đốc	0,00%
2. Ông Francis Gerard E. Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
3. Ông Lê Trung Hiếu (Bổ nhiệm ngày 05/03/2020)	Giám đốc tài chính	0,00%
4. Bà Lương Thị Thu Yến (Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	Kế toán trưởng	0,00%

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

- Ông Nguyễn Văn Chính – Tổng Giám đốc

Sinh năm 1979, Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, ông từng là nhân viên kế toán Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5; Kế toán trưởng Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu; Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty.

- Ông Francis Gerard E. Aberilla – Phó Tổng Giám đốc

Là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị công nghiệp, sinh năm 1964, ông từng là Phó Tổng Giám đốc NLEX Corporation (Philippines).

- Ông Lê Trung Hiếu – Giám đốc tài chính

Sinh năm 1987, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ông là Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình; chuyên viên tài chính Phòng quản lý vốn Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM.

- Bà Lương Thị Thu Yến – Kế toán trưởng

Sinh năm 1981, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, bà từng là nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây dựng Kinh doanh Cơ sở hạ tầng Cao su Việt Nam; Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng – VRG.

- 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành/*Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

Danh sách Ban điều hành	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1. Ông Phạm Thế Chính (Miễn nhiệm ngày 01/12/2020)	Tổng Giám đốc	0,00%
2. Ông Nguyễn Văn Chính (Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	Tổng Giám đốc	0,00%
3. Ông Lê Trung Hiếu (Bổ nhiệm ngày 05/03/2020)	Giám đốc tài chính	0,00%
4. Bà Lương Thị Thu Yến (Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	Kế toán trưởng	0,00%

- 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên tại Công ty tính đến 31/12/2020 được cơ cấu theo trình độ như sau:

Tiêu chí	Tỷ lệ
1. Trình độ đại học và trên đại học	90,2 %
2. Chuyên môn, nghiệp vụ	9,8 %
Tổng cộng	100%

- 2.4. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động:

– Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần từ thứ 2 đến thứ 6;

– Chính sách lương:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực thực hiện công việc của người lao động, Công ty thực hiện phân phối lương phù hợp với chức danh công việc và tính chất công việc căn cứ vào các quy định của luật lao động và các quy định của Công ty.

– Chính sách khen thưởng:

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét đánh giá, xếp loại dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp cuối năm. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động trong các ngày lễ lớn; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân, tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,...

– Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát hàng năm. Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Tình hình đầu tư thực hiện các dự án:

- Triển khai ký hợp đồng dịch vụ thu phí điện tử không dừng với Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam để thực hiện công tác thu phí tự động không dừng tại Trạm thu phí Cà Ná, Rạch Miễu, Cỏ Chiên.
- Ký Phụ lục hợp đồng BOT với Tổng cục Đường bộ Việt Nam về bổ sung thu phí điện tử không dừng (ETC) tại các Trạm thu phí Cà Ná, Rạch Miễu, Cỏ Chiên.
- Dự án đầu tư bổ sung nâng cấp, mở rộng và xây dựng 04 đoạn tuyến trên QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cỏ Chiên đã đưa vào sử dụng ngày 15/01/2020.

b) Kết quả hoạt động thu phí tại các dự án năm 2020:

S T T	TÊN DỰ ÁN	Thực hiện năm 2019		Thực hiện năm 2020		KH năm 2020		Tỉ lệ tăng trưởng			
		Lưu lượng (lượt xe)	Doanh thu (triệu đồng)	Lưu lượng (lượt xe)	Doanh thu (triệu đồng)	Lưu lượng (lượt xe)	Doanh thu (triệu đồng)	TH 2020/ TH 2019		TH 2020/ KH 2020	
								Lưu lượng	Doanh số	Lưu lượng	Doanh số
1	Ninh Thuận 1	3.332.271	200.674	3.245.177	186.709	3.650.045	200.673	97,4%	93,0%	88,9%	93%
2	Ninh Thuận 2		78.070								
3	ĐT741	4.608.057	177.413	4.795.022	179.051	4.926.997	182.735	104,1%	100,9%	97,3%	98,0%
4	Rạch Miễu	6.885.171	249.014	6.974.452	253.102	7.330.745	295.909	101,3%	101,6%	95,1%	85,5%
5	Cỏ Chiên	1.702.198	89.384	1.990.688	102.387	1.881.575	102.792	116,9%	114,5%	105,8%	99,6%
Tổng cộng		16.527.697	794.555	17.005.339	795.952	17.789.362	860.109	102,9%	100,2%	95,6%	92,5%
Doanh thu (trừ VAT)			722.323		723.593		781.917				

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019/ Year 2019	Năm 2020/ Year 2020	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	11.260.219.776.325	11.905.685.986.280	105,7%
Doanh thu thuần/Net revenue	712.934.255.814	704.801.929.382	98,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	387.629.302.037	520.435.531.624	134,3%
Lợi nhuận khác/Other profits	(7.682.665.470)	(5.013.350.334)	(65,3%)
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	379.946.636.567	515.422.181.290	135,7%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	545.497.344.028	505.756.523.950	92,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019/ Year 2019	Năm 2020/ Year 2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	0,41	0,82	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,39	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,65	0,63	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	1,89	1,68	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory			

<i>turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	8,29	8,84	
+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover:</i>	0,06	0,06	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,77	0,72	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,14	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,05	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	0,68	0,66	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 192.854.765 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 192.854.765 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%			
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0%			
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	192.293.268	99,71%	2	2	0
	- Trong nước	105.626.602	54,77%	1	1	0

	- Nước ngoài	86.666.666	44,94%	1	1	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0		
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0		
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0		
7	Cổ đông khác	561.497	0,29%	282	31	251
	- Trong nước	465.260	0,24%	245	24	221
	- Nước ngoài	96.237	0,05%	37	7	30
TỔNG CỘNG		192.854.765	100%	284	33	251
Trong đó: - Trong nước		106.091.862	55,00%	246	25	221
-Nước ngoài		86.762.903	45,00%	38	8	30

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Trong năm 2020 công ty không thực hiện việc tăng/giảm vốn chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có.

6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

- Ngoài thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, hằng năm công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*: Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho cán bộ công nhân viên (CB-NV) được công ty quan tâm. Các cán bộ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ được cử đi học các khóa huấn luyện ngắn hạn, dài hạn theo yêu cầu của công ty thì Công ty sẽ đài thọ kinh phí.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / *the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể kết quả như sau:
 - + Kết quả kinh doanh năm 2020 có tổng doanh thu chỉ đạt 86,6% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Nguyên nhân là Dự án XLHN chưa được đưa vào khai thác thu phí như dự kiến (kế hoạch là tháng 07/2019 nhưng đến hết năm 2020 vẫn chưa thực hiện thu phí).
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt 162,4% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại (56.296 triệu đồng). Nếu loại trừ khoản lợi nhuận này thì lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 449.460 triệu đồng đạt 144,3% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

- Công tác huy động vốn đảm bảo đáp ứng kịp thời cho việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Kịp thời triển khai thực hiện các Nghị quyết và chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của công ty.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.054.482.121.079	871.213.287.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	170.577.216.218	70.292.549.741
1. Tiền	111	24.904.350.464	23.951.733.384
2. Các khoản tương đương tiền	112	145.672.865.754	46.340.816.357
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	24.868.754.895	34.906.843.447
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	24.868.754.895	34.906.843.447
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	790.956.132.650	669.772.789.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	30.576.142.035	32.542.861.196
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	108.836.656.919	276.147.228.415
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	290.869.778.943	182.189.435.553
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	377.704.570.307	192.263.846.474
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(17.031.015.554)	(13.370.582.008)
IV. Hàng tồn kho	140	27.268.847.840	27.718.090.169
1. Hàng tồn kho	141	27.268.847.840	27.718.090.169
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	40.811.169.476	68.523.014.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.914.737.649	820.257.841
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	37.191.335.202	65.664.790.188
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.705.096.625	2.037.966.301
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	10.851.203.865.201	10.389.006.489.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.420.484.577.436	1.443.235.293.841
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	1.420.484.577.436	1.211.810.043.841
II. Tài sản cố định	220	3.193.550.059.538	3.449.494.657.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.477.071.940	4.703.769.004
<i>Nguyên giá</i>	222	22.643.235.643	20.772.415.915
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(17.166.163.703)	(16.068.646.911)
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.188.072.987.598	3.444.790.888.383
<i>Nguyên giá</i>	228	4.714.105.545.737	4.714.151.114.244
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(1.526.032.558.139)	(1.269.360.225.861)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.314.408.284.245	3.875.193.545.790
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.314.408.284.245	3.875.193.545.790
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	813.515.197.647	784.648.901.897
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	810.005.197.647	781.138.901.897
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	3.510.000.000	3.510.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.109.245.746.335	836.434.090.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	773.450.714.850	544.029.006.594
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	269.158.225.270	212.862.475.432
3. Lợi thế thương mại	269	66.636.806.215	79.542.608.067

TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	11.905.685.986.280	11.260.219.776.325
--------------------------	------------	---------------------------	---------------------------

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	7.460.780.462.331	7.358.039.921.452
I. Nợ ngắn hạn	310	1.285.106.753.456	2.144.274.227.836
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	251.272.290.087	311.632.712.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	464.468.736.039	465.673.068.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	56.794.773.674	41.639.066.634
4. Phải trả người lao động	314	11.489.429.891	12.347.709.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	42.840.827.268	47.377.496.033
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	106.273.800.494	548.016.785.937
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	348.228.202.254	714.013.278.031
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.738.693.749	3.574.110.372
II. Nợ dài hạn	330	6.175.673.708.875	5.213.765.693.616
1. Phải trả dài hạn khác	337	256.177.067.043	82.826.479.221
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.806.066.666.600	5.017.509.239.163
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	113.429.975.232	113.429.975.232

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/
Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

- Dự án mở rộng QL60 đã thi công hoàn thành và chính thức tổ chức thông xe đưa dự án vào khai thác từ ngày 15/01/2020. Hiện Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, quyết toán công trình với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Công tác triển khai thu phí tại Dự án Xa Lộ Hà Nội chậm được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt gây ảnh hưởng đến kế hoạch dòng tiền và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty.
- Kết quả kinh doanh năm 2020: Tổng doanh thu chỉ đạt 86,6% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2020 vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đề ra.
- Công tác triển khai thực hiện các dự án đầu tư mới gặp nhiều khó khăn do có sự thay đổi chính sách của Nhà nước.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

- Trong công tác quản lý, điều hành, Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, nghiêm chỉnh thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của hội đồng quản trị đề ra. Đề xuất, tham mưu Hội đồng quản trị ra các quyết định quan trọng, tạo điều kiện cho công tác giám sát của hội đồng quản trị được chặt chẽ hơn.

- Tổ chức tốt công tác giám sát và quản lý có hiệu quả các dự án đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết giúp cho các doanh nghiệp dự án hoạt động ổn định, hiệu quả tăng nguồn thu cho công ty.
- Thực hiện tốt chỉ đạo của HĐQT về việc củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo các hoạt động chủ yếu như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2020.
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2021.
- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát tiến độ thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền nhằm sớm đưa dự án Xa Lộ Hà Nội vào thu phí.
- Chỉ đạo, định hướng kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Tiếp tục công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc.
- Chỉ đạo tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:*

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên không điều hành	Thành viên độc lập
1. Ông Lê Vũ Hoàng Đại diện cho: Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Chủ tịch HĐQT	54,77%	x	
2. Ông Rodrigo E. Franco Đại diện cho: Metro Pacific Tollways Corporation	Phó Chủ tịch HĐQT	44,94%	x	
3. Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	0%	x	
4. Ông Phạm Thế Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0%		
5. Ông Francis Gerard E. Aberilla	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	0%		
6. Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	0%	x	x

7. Ông Dương Trường Hải	Thành viên	0%	x	x
-------------------------	------------	----	---	---

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: Công ty không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Lê Vũ Hoàng	4/4	100%	
2	Ông Rodrigo E. Franco	4/4	100%	
3	Ông Lê Quốc Bình	4/4	100%	
4	Ông Phạm Thế Chính	4/4	100%	
5	Ông Francis Gerard E. Aberilla	4/4	100%	
6	Ông Christopher Daniel C.Lizo	4/4	100%	
7	Ông Dương Trường Hải	3/4	75%	Ủy quyền cho ông Lê Vũ Hoàng

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /*Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng BKS	23/4/2018	0,04%
2	Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	23/4/2018	0,0%
3	Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm 15/6/2020	0,0%
4	Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	Bầu bổ sung 15/6/2020	0,0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Trần Ngọc Tiến	3/3	100%		
2	Bà Dương Thị Long Nghi	3/3	100%		
3	Bà Phạm Thị Thanh Phương	1/3	100%		Miễn nhiệm 15/6/2020
4	Bà Lương Kim Diên An	2/3	100%		Bầu bổ sung 15/6/2020

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits;*

a) Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng được nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 01/12/2020)	885.347.584	
2	Phạm Thế Chinh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm 01/12/2020)	1.371.897.846	
3	Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	829.762.876	

b) Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2020:

* Thù lao HĐQT chi trả trong năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận	Ghi chú
1	Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	161.850.000	
2	Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch HĐQT	129.480.000	
3	Lê Quốc Bình	Thành viên	107.900.000	
4	Dương Trường Hải	Thành viên	107.900.000	
5	Phạm Thế Chinh	Thành viên	71.933.333	
6	Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	71.933.333	
7	Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	71.933.333	

* Thù lao Ban kiểm soát chi trả trong năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận	Ghi chú
1	Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	86.320.000	
2	Dương Thị Long Nghi	Thành viên	64.740.000	
3	Lương Kim Diên An	Thành viên (bỏ nhiệm 15/06/2020)	-	
4	Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm 15/06/2020)	43.160.000	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, onverting, rewardin g, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM	Chủ tịch HĐQT	105.032.452	54,46%	105.649.542	54,78%	Mua để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu LGC
2	Công ty CP Đầu tư Tân Tam Mã	Chủ tịch HĐQT	500.000	0,25%	0	0%	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: Trong năm 2020 Công ty đã nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements:

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021 từ trang 5 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố và cung cấp Báo cáo tài chính công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính hợp nhất: Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (Phòng Tài chính – Kế toán), địa chỉ số 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP.HCM hoặc website: www.ciibr.com.vn.

Nơi nhận:

Recipients:

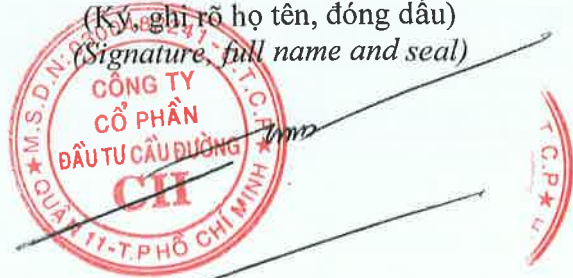
- Như trên;
- Lưu: VT.
- Archived.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Chính

